

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-DS ngày 18/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H; sinh năm: 1964; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị M; sinh năm: 1975; cùng thường trú: Phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông Nguyễn Xuân H và vợ (bà Nguyễn Thị Thu P) có quen biết vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M. Sau một thời gian quen biết, ông T và bà M ngỏ lời mượn tiền vợ chồng ông H để làm ăn. Tổng số tiền mà ông T, bà M vay mượn vợ chồng ông H là 673.400.000 đồng. Cụ thể:

1. Lần 01 theo giấy cầm nhà đề ngày 16/11/2016: Thực tế trước ngày này, ông T và bà M vay số tiền 300.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 16/11/2016 thì các bên mới lập giấy tờ vay, cụ thể ở đây ghi là giấy cầm nhà. Nội dung giấy cầm nhà thể hiện ông T, bà M vay của vợ chồng ông H số tiền 300.000.000 đồng, khi nào ông H cần thu hồi thì báo trước từ 03 đến 05 tháng. Ông T, bà M gửi lại cho ông H tờ vi bằng để làm tin, thế chấp phần quyền sử dụng đất và căn nhà của ông T, bà M cho chúng tôi.

2. Lần 02 theo giấy vay tiền ngày 16/11/2016, ông T và bà M vay của vợ chồng ông H số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, ngày phải trả tiền là 16/02/2017.

3. Lần 03 theo giấy vay tiền ngày 15/5/2017, ông T và bà M vay số tiền 73.400.000 đồng, cam kết trả lại khi ông H có yêu cầu.

4. Lần 04 theo giấy vay tiền ngày 06/7/2018, ông T và bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 06/7/2018, cam kết trả lại vào ngày 06/9/2018.

5. Lần 5 theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018, ông T và bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, đến hạn trả vào ngày 18/5/2018.

Kể từ lúc vay tiền đến nay, ông T và bà M chưa thanh toán cho vợ chồng ông H bất kỳ khoản tiền nào. Tổng cộng số tiền ông T, bà M nợ vợ chồng ông H là 673.400.000 đồng. Đến khoảng tháng 10/2019, ông H có nhu cầu sử dụng tiền nên đã thông báo cho ông T, bà M trả lại toàn bộ khoản nợ nêu trên. Ông H nhiều lần tìm gặp, điện thoại thông báo nhưng ông T, bà M tránh né, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M phải hoàn trả cho ông H và bà P số tiền 673.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; cung cấp tài liệu chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Theo bản tự khai ngày 06/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thu P là vợ của ông Nguyễn Xuân H. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có vay vợ chồng bà P số tiền 673.400.000 đồng, mặc dù nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông T, bà M né tránh không thực hiện nghĩa vụ. Bà P thống nhất với toàn bộ lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà P không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông T và bà M phải trả lại cho vợ chồng ông H, bà P số tiền 673.400.000 đồng.

- *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm như sau:* Nguyên đơn và bị đơn khi thực hiện giao dịch đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên tinh thần tự nguyện và không bị ép buộc. Trong các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã xác định được quan hệ vay tài sản giữa các bên là có thật, thể hiện qua các giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của bị đơn. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án, điều này

chứng tỏ bị đơn cố tình tránh né, thiếu tôn trọng đối với cơ quan có thẩm quyền giải quyết cũng như từ bỏ quyền chứng minh của mình trong vụ án khi không tham gia tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại toàn bộ số nợ gốc 673.400.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, bị đơn không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ viết, chữ ký của mình các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp.

[3] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các giấy vay tiền có chữ ký của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M, Tòa án xác định: Ông T và bà M có vay mượn ông H, bà P số tiền 673.400.000 đồng, cụ thể như sau:

- Theo giấy đề ngày 16/11/2016: Số tiền vay là 300.000.000 đồng, khi nào ông H cần thu hồi thì báo trước từ 03 đến 05 tháng.

- Theo giấy vay tiền ngày 16/11/2016: Số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, ngày phải trả tiền là ngày 16/02/2017.

- Theo giấy vay tiền ngày 15/5/2017: Số tiền vay là 73.400.000 đồng, ông T và bà M cam kết trả lại khi ông H có yêu cầu.

- Theo giấy vay tiền ngày 06/7/2018: Số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, ông T và bà M cam kết trả lại vào ngày 06/9/2018.

- Theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018: Số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, đến hạn trả vào ngày 18/5/2018.

Các lần vay mượn nêu trên đều không có thỏa thuận về tiền lãi. Tháng 10/2019, ông H có nhu cầu sử dụng tiền nên đã thông báo cho ông T, bà M trả lại toàn bộ số tiền nêu trên. Tuy nhiên ông T và bà M tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy, khoản vay trên đã đến hạn, ông T và bà M không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền vay nêu trên cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 673.400.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Thu P số tiền 673.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M liên đới chịu 30.936.000 đồng.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang